

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bồi.

2. Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Phương Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 921/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng H

Địa chỉ: Số 08 H Đ nói dài, Phước H, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn T

Địa chỉ: Số 08 H Đ nói dài, Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải - nguyên đơn bà Lê Thị Mộng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vào năm 1993. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Nguyễn Xuân L - sinh ngày 21/01/1992 và Nguyễn Xuân V – sinh ngày 06/12/1996. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mộng H và ông Nguyễn T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Mộng H được ly hôn với ông Nguyễn T. Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thành phố Nha Trang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng H và ông N kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/02/1993 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà H cho rằng vợ chồng sống không có hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau, dẫn đến bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng nhiều lần nhường nhịn hòa giải với nhau nhưng đến nay mâu thuẫn bất hòa vẫn xảy ra trầm trọng hơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải nhưng đều vắng mặt. Điều này thể hiện ý chí của ông T không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng và coi như bỏ mặc cuộc hôn nhân này đối với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

Căn cứ Điều 227; 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng H được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Quy định: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mộng H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000042 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND p.Phước H, Nha Trang (GCNKH số 17 ngày 19/02/1993);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Linh